Thiết kế kiến trúc Ứng dụng tạo việc cần làm

Version 2.0

Sinh viên thực hiện:

20120046 – Ngô Xuân Chiến

20120073 – Văn Lý Hải

**Bảng ghi nhận thay đổi tài liệu**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Ngày** | **Phiên bản** | **Mô tả** | **Người thay đổi** |
| 18/06/2023 | 2.0 | Phát biểu bài toán | Ngô Xuân Chiến |
| 19/06/2023 | 2.0 | Mô hình Use case | Văn Lý Hải |
| 20/06/2023 | 2.0 | Hồ sơ phân tích | Ngô Xuân Chiến |
| 21/06/2023 | 2.0 | Thiết kế dữ liệu | Văn Lý Hải |
| 22/06/2023 | 2.0 | Thiết kế kiến trúc | Ngô Xuân Chiến |

Mục lục

[1. Kiến trúc hệ thống 3](#_Toc369451629)

[2. Mô tả chi tiết từng thành phần trong hệ thống 4](#_Toc369451630)

# Kiến trúc hệ thống

*Anh/Chị trình bày hình vẽ kiến trúc tổng thể của hệ thống (bao gồm các module, thành phần chính nào)*

***Ví dụ:***

A white square with black text

Description automatically generated with low confidence

*Sau đó, liệt kê danh sách các module, thành phần trong hệ thống:*

***Ví dụ:***

|  |  |
| --- | --- |
| **Thành phần** | **Diễn giải** |
| Android Device | Thiết bị di động cung cấp giao diện người dùng. |
| Backend Manager | Phần xử lý logic, cung cấp dữ liệu cho giao diện người dùng, xác thực, quản lý người dùng, giao tiếp với cơ sở dữ liệu. |
| Database Manager | Lưu trữ và quản lý database. |

# Mô tả chi tiết từng thành phần trong hệ thống

*Với mỗi thành phần trong hệ thống, Anh/Chị hãy trình bày sơ đồ lớp của thành phần đó.*

*Có thể trình bày chi tiết các thuộc tính và phương thức, hoặc chỉ cần trình bày tên của các lớp đối tượng.*

1. ***Android Device (UI – Java)***

*A picture containing text, screenshot, font, graphic design

Description automatically generated*

|  |  |
| --- | --- |
| **Lớp đối tượng** | **Diễn giải** |
| SignInActivity | Hiển thị giao diện đăng nhập cho người dùng. |
| SignUpActivity | Hiển thị giao diện đăng ký cho người dùng mới. |
| TasksActivity | Hiển thị danh sách công việc |
| TaskAdapter | Hiển thị phần từ trong danh sách công việc. |
| ProfileActivity | Hiện thi thông tin tài khoản của người dùng. |
| GetTaskActivity | Hiển thị chi tiết công việc. |
| AddTaskActivity | Hiển thị giao diện để thêm công việc mới. |
| DeleteTaskActivity | Hiển thị giao diện để xoá công việc. |
| UpdateTaskActivity | Hiển thị giao diện để chỉnh sửa công việc. |

1. ***Backend Manager (Spring boot Framework – Java)***

*A picture containing text, screenshot, font, rectangle

Description automatically generated*

|  |  |
| --- | --- |
| **Lớp đối tượng** | **Diễn giải** |
| TaskService | Quản lý nghiệp vụ liên quan đến công việc (tạo, sửa, xóa, hiển thị) |
| UserService | Quản lý nghiệp vụ liên quan đến người dùng (tạo, xác thực, xoá) |
| TaskController | Xử lý yêu cầu từ giao diện người dùng và gọi các phương thức từ TaskService. |
| UserController | Xử lý yêu cầu từ giao diện người dùng và gọi các phương thức từ UserService. |
| Task | Đối tượng đại diện cho một công việc, bao gồm các thuộc tính như id, tiêu đề, mô tả, ngày tạo, trạng thái. |
| User | Đối tượng đại diện cho một người dùng, bao gồm các thuộc tính như id, email, mật khẩu, tên người dùng, địa chỉ, số điện thoại, ngày sinh. |

1. ***Database Manager (MariaDB)***

*A picture containing text, screenshot, font, graphics

Description automatically generated*

|  |  |
| --- | --- |
| **Lớp đối tượng** | **Diễn giải** |
| TaskRepository | Giao tiếp với cơ sở dữ liệu để thực hiện các truy vấn liên quan đến công việc. |
| UserRepository | Giao tiếp với cơ sở dữ liệu để thực hiện các truy vấn liên quan đến người dùng. |
| TaskEntity | Đại diện cho bản ghi công việc trong cơ sở dữ liệu. |
| UserEntity | Đại diện cho bản ghi người dùng trong cơ sở dữ liệu. |
|  |  |